

Tiếp cận thực trạng công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo tinh thần của Luật di sản văn hóa

TS. ĐẶNG VĂN BÀI*

Ngày nay, hơn bao giờ hết, cộng đồng quốc tế đề cao và tôn trọng tính đa dạng văn hóa, đồng thời tích cực đấu tranh chống khuynh hướng đồng nhất, đồng hóa về văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc là vấn đề trọng đại quyết định sự tồn vong của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa chúng ta không thể chỉ quan tâm tới việc bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia về mặt lãnh thổ và chính trị mà còn phải tìm mọi phương cách bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình đồng thời tôn trọng văn hóa của các quốc gia, dân tộc khác. Trong bối cảnh đó, chủ đề Hội thảo khoa học "Vấn đề bảo vệ và phát huy di sản văn hóa với sự nghiệp đổi mới đất nước" do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng Quốc hội tổ chức là thể hiện sự quan tâm của cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước đối với một vấn đề có tính chất quốc tế và thời đại hiện nay.

1. Thực tế cho thấy những định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động đều phải được hoạch định trên cơ sở đánh giá chính xác thực trạng tình hình ở từng lĩnh vực. Ở đây, chúng tôi xin trình bày khái quát một số mặt thực trạng cơ bản, phục vụ trực tiếp cho việc xác lập những định hướng chung mang tính chất vĩ mô mà thôi.

1.1 Hiện nay, vị trí và vai trò của di sản văn hóa trong phát triển bền vững chưa được nhận thức một cách toàn diện. Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, chúng ta giành quá nhiều ưu tiên cho phát triển kinh tế, bên cạnh đó đã và đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với yêu cầu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Muốn phát triển bền vững chúng ta cần xây dựng những kế hoạch liên ngành có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, mang lại đầy đủ mọi mặt phúc lợi cần thiết cho các cộng đồng cư dân, ở cả hiện tại và tương lai mà vẫn bảo toàn được tính toàn vẹn và cân bằng của các hệ sinh thái, môi trường tự nhiên và nhân văn, ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả những tác động tiêu cực do công nghiệp hóa, hiện đại hóa có thể ảnh hưởng tới di sản văn hóa.

Trong phát triển bền vững, di sản văn hóa phải được gắn kết cả ở lĩnh vực vật thể và tinh thần với các địa phương cụ thể cùng cộng đồng cư dân ở nơi đó, chúng phải góp phần giảm thiểu những khó khăn của người dân về kinh tế, giúp họ có nhiều khả năng, điều kiện tiếp cận và hưởng thụ các giá trị Di sản văn hóa, đồng thời di sản văn hóa lại thực sự trở thành nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

Hiện nay, bức tranh chung là môi trường thiên nhiên và cảnh quan thiên nhiên xung quanh di tích đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, tài nguyên thiên nhiên bị khai thác lãng phí mà không được quan tâm đúng mức tới việc tái phục hồi và bổ sung. Ô nhiễm môi trường là hiện tượng đáng tiếc đang diễn ra hàng ngày ở các làng quê truyền thống, đặc biệt là ở những nơi có làng nghề thủ công truyền thống và nơi có mật độ di tích dày đặc như: Đình Bảng (Bắc Ninh), Ninh Hiệp, Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Vạn Phúc (Hà Tây) v.v...

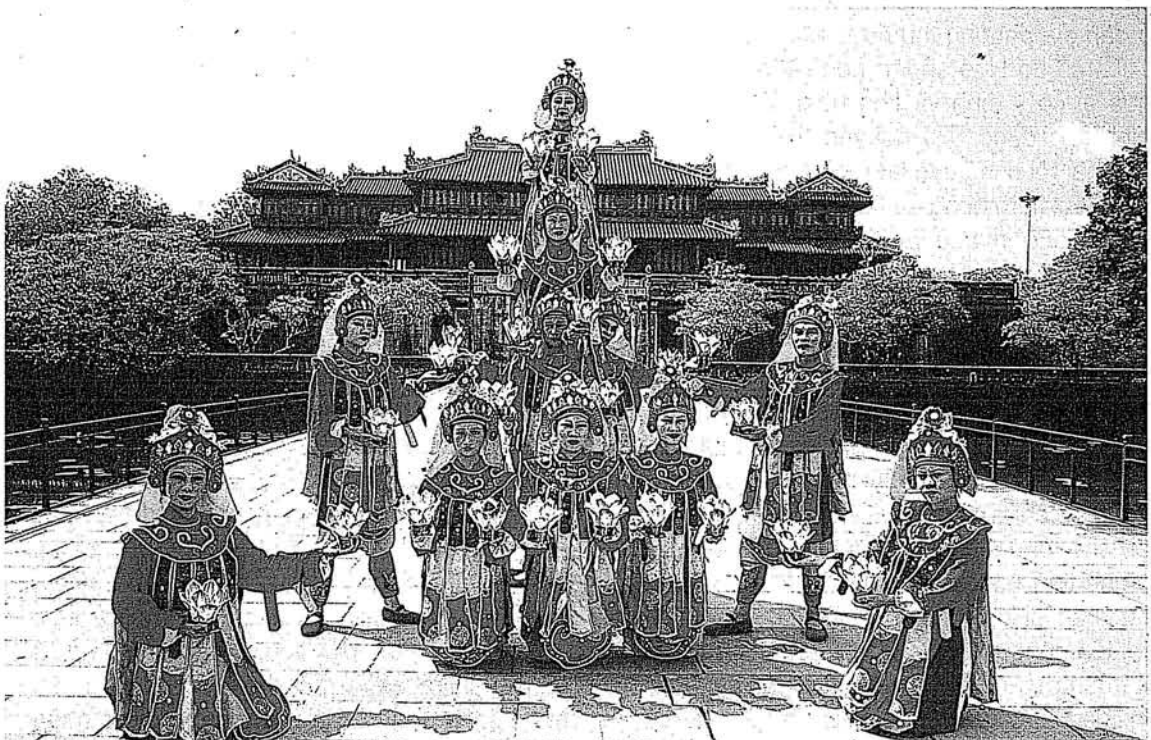
Trong môi trường xã hội hiện nay, hệ thống

bảng tiêu chuẩn giá trị văn hóa đã bị thay đổi. Cá biệt, một số mặt giá trị về lối sống, đạo đức xã hội có nguy cơ bị xói mòn, như: mối quan hệ huyết thống, tôn ty trật tự trong gia đình, làng xóm, mối liên kết cộng đồng. Nét văn hóa đặc thù của Việt Nam ngày một lũng lẻo và có nguy cơ bị mai một. Dân số tăng nhanh, không song hành với phát triển sản xuất, nhất là ở khu đô thị, dẫn tới sự phân hóa giàu nghèo, hình thành các xóm bụi trên sông và xóm liều trên cạn với những túp lều ổ chuột thiếu các phương tiện tối thiểu của cuộc sống. Đó là cơ sở tạo ra các tệ nạn xã hội cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, cướp giật v.v... Đây là hiện tượng ô nhiễm nặng nề trong môi trường xã hội. Có thể nói hiện đang tồn tại mâu thuẫn không đáng có giữa một bên là hạ tầng cơ sở kỹ thuật của đô thị nói chung và du lịch nói riêng đã được cải thiện đáng kể với một bên là hạ tầng cơ sở xã hội có nguy cơ bị xuống cấp. Mà, một trong những nguyên nhân sâu xa có thể là sự đầu tư chưa cân đối giữa kinh tế và văn hóa. Nếu chúng ta không sớm nhận thức lại thực trạng trên và có biện pháp khắc phục kịp thời thì các hiện tượng tiêu cực sẽ có tác động trực tiếp tới con người-nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững, tất yếu là di sản văn hóa cũng sẽ có nguy cơ bị biến dạng và có thể trở nên nghèo nàn đơn điệu. Bằng chứng cụ thể nhất là bản thân di tích

đang bị lấn chiếm trái phép, hiện tượng trộm cắp, đào bới xuất khẩu trái phép cổ vật chưa được ngăn chặn, môi trường cảnh quan và mặt bằng di tích đang bị thu hẹp, biến dạng, đặc biệt là trong điều kiện phát triển đô thị hóa dồn dập ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... Các dịch vụ văn hóa trong lễ hội vẫn tiếp tục bị thương mại hóa, hiện tượng xóc thẻ, đốt vàng mã la liệt đang diễn ra khá phổ biến ở một số di tích gắn với tôn giáo, tín ngưỡng. Điều đáng buồn là các cấp chính quyền địa phương chưa thực sự vào cuộc để ngăn chặn và xử lý dứt điểm các hành vi trái pháp luật kể trên.

1.2 Những đổi mới về mặt quản lý chưa bắt kịp được xu hướng chung của quốc tế cũng như khu vực và chưa ngang tầm với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ nhất: Một thời gian dài, mặt giá trị di sản văn hóa phi vật thể chưa được quan tâm đúng mức so với mặt giá trị di sản văn hóa vật thể, mặc dù xét về độ nhạy cảm, tinh tế và khả năng dễ bị tác động gây biến dạng do những điều kiện khách quan đối với di sản văn hóa phi vật thể là lớn hơn rất nhiều. Hơn nữa di sản văn hóa phi vật thể không tự thân tồn tại và biểu hiện, mà phải được thể hiện qua một dạng vật chất cụ thể, hoặc dưới dạng kỹ năng, tay nghề và bí quyết của các nghệ



nhân. Mà người nắm giữ có khả năng trình diễn hoặc truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể đều đã thuộc lứa tuổi cao niên, còn thế hệ trẻ chưa hoặc ít quan tâm tới di sản văn hóa phi vật thể. Đó cũng là một thực trạng đáng lo ngại, song cần khẳng định ngay rằng sai lầm là từ phía những người quản lý di sản văn hóa chứ không phải lỗi của tuổi trẻ. Tất nhiên sự phân loại chỉ là ước lệ khó có thể tách bạch đâu là phần vật thể đâu là phần phi vật thể trong một di sản văn hóa. Nhưng dù sao cũng phải có thái độ ứng xử công bằng với cả hai loại hình di sản văn hóa.

Đối với di sản văn hóa vật thể chúng ta cũng vẫn thiếu một cách tiếp cận liên ngành để nhận rõ toàn diện các mặt giá trị của nó. Các di tích lịch sử, văn hóa thường chỉ được nhìn nhận ở các mặt giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học. Thực tế thì hoàn toàn ngược lại, chúng ta đang được thừa hưởng một kho tàng di sản văn hóa không chỉ có những giá trị tinh thần mà thực sự là một tài sản vật chất lớn lao. Chỉ tính riêng tiền vật liệu xây dựng và tiền công lao động để tạo dựng Kinh đô Huế- Di sản văn hóa tiêu biểu của Việt Nam đã được UNESCO đưa vào danh mục Di sản văn hóa thế giới đã lên tới nhiều ngàn tỷ đồng. Thế thì hàng ngàn di tích kiến trúc nghệ thuật trên phạm vi cả nước sẽ là một khối tài sản vật chất lớn biết chừng nào. Thêm vào đó tiền thu phí thăm quan quần thể kiến trúc cố đô Huế hàng năm lên tới gần 50 tỷ đồng, ấy là chưa tính đến số tiền mà ngành Du lịch và các loại hình dịch vụ khác do cộng đồng cư dân địa phương thu được nhờ "ăn theo" khu di tích cố đô Huế sẽ lớn hơn rất nhiều, nhưng chưa ai có ý định và khả năng tính toán thật chính xác được. Tài nguyên thiên nhiên khai thác mãi rồi cũng cạn kiệt, ngược lại di sản văn hóa – loại tiềm năng du lịch đặc biệt không bao giờ cạn kiệt, mà sẽ tăng lên cùng với thời gian nếu chúng ta thực hiện nghiêm túc những nguyên tắc phát triển bền vững mà cả nhân loại đang theo đuổi.

Thứ hai: Trong lĩnh vực quản lý di sản văn hóa, các mặt hoạt động đều chưa ở trong trạng thái sẵn sàng thích nghi với "cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Một mặt chúng ta chưa chuẩn bị đầy đủ điều kiện để hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực do cơ chế thị trường tác động tới di sản văn hóa. Mặt khác lại không thật sự năng động và sáng tạo, tận dụng những cơ hội thuận lợi do cơ chế thị trường mang lại để thực hiện tốt chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước là "xã hội hóa mạnh

mẽ hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa". Trong công tác quản lý, chúng ta vẫn chưa có giải pháp thích hợp điều tiết lợi ích của các thành phần kinh tế, đặc biệt là lợi ích của cá nhân, cộng đồng cư dân- những chủ sở hữu đích thực của di tích. Có hiện tượng là các cấp chính quyền, các ngành, các tập thể, cá nhân giành nhau quyền quản lý những di tích có nguồn thu lớn, ngược lại đùn đẩy cho tỉnh, thành phố và Bộ những di tích xuống cấp mà không có khả năng khai thác. Trong các dự án tu bổ, tôn tạo di tích bao giờ lợi ích cá nhân cũng phải phục vụ hoặc đặt dưới lợi ích Nhà nước và tập thể. Chủ đầu tư cũng như các công ty tư vấn thiết kế dự án rất ít khi tự đặt vấn đề là nội dung dự án của mình có gì thu hút, hấp dẫn đối với cộng đồng cư dân liên kế di tích, họ sẽ có lợi ích gì từ kết quả dự án. Một dự án như thế khó có thể đạt được hiệu quả cao về mặt xã hội. Hơn nữa, do chưa hòa nhập thực sự vào cơ chế thị trường nên các dự án tu bổ và phát huy giá trị di tích thường chỉ chủ yếu hướng vào mục tiêu văn hóa và xã hội mà hầu như chưa quan tâm suy nghĩ dự án sẽ đạt được những mục tiêu kinh tế, tạo ra nguồn thu từ các hình thức dịch vụ văn hóa ở di tích để đầu tư trở lại cho hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Nói cách khác, chúng ta mới nhìn nhận di sản văn hóa ở góc độ là mục tiêu của phát triển xã hội mà chưa hiểu rõ và mạnh dạn khai thác di sản văn hóa với tư cách là động lực phát triển kinh tế – xã hội.

Do chưa nhận thức hết giá trị vật chất, lợi ích kinh tế mà di sản văn hóa có khả năng đưa lại, cho nên trong các dự án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa chúng ta cũng chỉ xác định đầu ra của dự án về mặt tinh thần, hoặc bị ẩn dưới nguồn thu của các ngành khác. Và, do đó chúng ta chưa mạnh dạn đầu tư thỏa đáng cho các dự án để tạo ra những sản phẩm văn hóa có giá trị, đồng thời là một sản phẩm du lịch đặc thù có sức thu hút, hấp dẫn đông đảo khách tham quan trong nước và quốc tế. Mặt khác, cũng do nhận thức chưa toàn diện về các mặt giá trị và tính đặc thù của các hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích mà chúng ta áp dụng khá cứng nhắc các nguyên tắc quản lý một dự án xây dựng cơ bản (xây dựng nhà máy, cầu cảng, giao thông, các công trình xây dựng mới). Ví dụ, cơ quan tư vấn thiết kế tu bổ sẽ không được quyền thi công tu bổ di tích, thì cũng như người chẩn đoán ra bệnh mà không được trực tiếp chữa bệnh. Như vậy là không có một cá nhân

chịu trách nhiệm từ đầu đến khâu cuối cùng của một dự án tu bổ di tích hoặc áp dụng nhất loạt nguyên tắc đầu thầu cho tất cả các dự án tu bổ di tích, chẳng khác nào “chữa bệnh cho người ốm” mà đòi hỏi hạ giá thành tối thiểu thì nhất thiết phải cắt bớt hoặc gia giảm các vị thuốc cần thiết. Kết quả tất yếu là độ bền vững và tuổi thọ của di tích nhất định sẽ bị rút ngắn lại.

Thực trạng trình bày ở trên đặt ra yêu cầu phải mạnh dạn đổi mới tư duy và hành động trong công tác quản lý di sản văn hóa để vừa hạn chế mặt tiêu cực, vừa tận dụng được cơ hội do cơ chế thị trường đưa lại, làm cho di sản văn hóa thực sự có vị trí và vai trò trong đời sống xã hội hiện đại.

2. Quản lý Nhà nước về di sản văn hóa chỉ đạt được hiệu quả cao nhất khi chúng ta kết hợp nhuần nhuyễn mối quan hệ tương tác giữa ba yếu tố cơ bản nhất:

- **Một là:** có đường lối, chính sách, pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước.

- **Hai là:** tạo lập được hệ thống tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở đủ mạnh để biến những chủ trương chính sách đúng đắn thành hiện thực cuộc sống.

- **Ba là:** có sự đồng tình hưởng ứng của đông đảo công chúng trong toàn xã hội.

Luật di sản văn hóa do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tháng 6 năm 2001 là cơ sở pháp lý cao nhất, là công cụ quan trọng để điều chỉnh hành vi của toàn xã hội nói chung, cũng như điều hòa mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố quyết định trong công tác quản lý di sản văn hóa nói riêng.

2.1 Luật di sản văn hóa đã cụ thể hóa đường lối, chính sách, thể hiện tầm tư duy đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình dân chủ hóa và xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Công nhận nhiều hình thức sở hữu khác nhau về di sản văn hóa: sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân.

- Xác định rõ các quyền và nghĩa vụ các tổ chức và cá nhân.

- Công bố rõ những hành vi bị nghiêm cấm, từ đó tạo thành hành lang pháp lý cho tự do và dân chủ của toàn xã hội trong hoạt động bảo tồn bảo tàng.

- Quy định rõ về điều kiện thành lập bảo

tàng tư nhân, về việc mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, về việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài nhằm mục đích nghiên cứu, bảo quản và giao lưu văn hóa.

- Phân cấp quản lý và xác định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền, các Bộ, Ngành ở Trung ương trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Có cơ chế tôn vinh, khen thưởng bằng nhiều hình thức đối với những người có công, đồng thời xử lý nghiêm minh những người có tình vi phạm Luật di sản văn hóa.

Những nội dung được cụ thể hóa qua các quy định của Luật di sản văn hóa đã tạo ra nguồn động lực giúp cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc có những bước phát triển mới theo hướng:

- Bảo tồn và tôn vinh những mặt giá trị di sản văn hóa tiêu biểu nhất.

- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút nguồn lực của nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là các chủ sở hữu di sản văn hóa đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy di tích.

- Phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, đồng thời phải biết vận hành đúng theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để tạo được nguồn thu đáng kể từ các hoạt động dịch vụ văn hóa tại di tích, tái đầu tư cho công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2.2 Sau hai năm triển khai Luật di sản văn hóa trong đời sống thực tiễn, ta thấy bộc lộ rõ một số bất cập cần khắc phục kịp thời.

Thứ nhất Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa – Thông tin, Sở Văn hóa – Thông tin các tỉnh, thành phố trong cả nước đã phối hợp tổ chức nhiều đợt tập huấn phổ biến, tuyên truyền nội dung Luật Di sản văn hóa, nhưng chủ yếu cho các đối tượng là công chức, viên chức nhà nước, cán bộ quản lý trong lĩnh vực di sản văn hóa và những người trực tiếp bảo vệ di tích tại cơ sở. Vấn đề đặt ra là chúng ta chưa khai thác hết thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, phát thanh) và các thiết chế văn hóa để thực hiện một dự án hoặc một chương trình quốc gia làm cho quy định luật pháp nói chung và Luật di sản văn hóa nói riêng thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, đến với

từng người dân ở các làng bản xa xôi. Và, chỉ khi đó Luật di sản văn hóa mới thực sự trở thành sức mạnh vật chất để ngăn chặn các tác động tiêu cực do quá trình toàn cầu hóa về kinh tế và cơ chế thị trường đưa lại, đồng thời làm lành mạnh hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy Di sản văn hóa.

Thứ hai quy định trong Luật di sản văn hóa về phân cấp quản lý di tích là rất cụ thể và rõ ràng cho từng cấp chính quyền, cho các Bộ, Ngành ở Trung ương nhưng sự phối hợp đồng bộ và liên ngành lại chưa thật chặt chẽ, các cấp các ngành chưa có sự chủ động và tích cực tham gia, mà coi lĩnh vực hoạt động này là chỉ của riêng ngành Văn hóa-Thông tin. Là cơ quan chủ quản tất nhiên Bộ Văn hóa – Thông tin phải chịu trách nhiệm trước Chính phủ, nhưng có những việc vượt ra khỏi khả năng và

tầm với của ngành. Ví dụ, nếu không có sự hỗ trợ tích cực của Bộ Công an và Tổng cục Hải quan thì chắc chắn Bộ Văn hóa – Thông tin không có cách nào ngăn chặn, xử lý các hành vi trộm cắp, buôn bán trái phép và xuất lậu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Nhiều vụ mất cắp cổ vật trong đình, chùa mà trách nhiệm không ai đứng ra chịu. Ngược lại, ở những di tích có nguồn thu lớn ai cũng muốn đứng ra quản lý hòm công đức và bán vé tham quan. Thậm chí có Ủy ban nhân dân tỉnh còn quyết định giao cho ngành Du lịch quản lý di tích, danh lam thắng cảnh để bán vé vào tham quan!

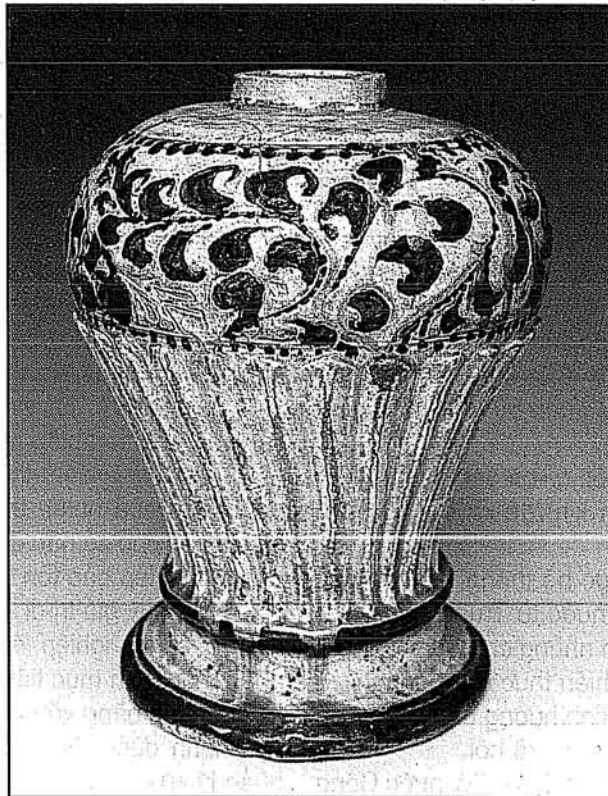
Thứ ba để Luật di sản văn hóa có hiệu lực, thực tiễn còn rất cần có đội ngũ cán bộ chuyên sâu được đào tạo có hệ thống. Do đó vấn đề mấu chốt là phải tiến hành cải cách toàn diện công tác đào tạo cán bộ bảo tồn bảo tàng, từ các khâu: bồi dưỡng nâng cao trình độ cho

chính những người làm công tác đào tạo ngang tầm với nhu cầu thực tiễn, cải cách chương trình, giáo trình giảng dạy và phương pháp đào tạo, lựa chọn đầu vào, xác định rõ mục tiêu đầu ra. Nếu có thể được nên hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế có uy tín trong lĩnh vực bảo

tàng học để cùng xây dựng chương trình đào tạo này.

Thứ tư cuối cùng thì vấn đề ngân sách vẫn là quan trọng nhất. Hiện tại ngành Văn hóa – Thông tin hàng năm mới chỉ được cân đối 1,35% tổng ngân sách quốc gia. Như thế ngân sách cho ngành văn hóa – thông tin có tỷ lệ chưa cân đối so với các ngành kinh tế nói chung và kể cả các ngành thuộc lĩnh vực văn hóa-xã hội nói riêng.

Phải thừa nhận thời gian qua nhờ có chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa – thông tin của Chính phủ, trong đó có mục tiêu tu bổ và



Chân đèn (phần dưới), hoa nâu
Sưu tập của Nguyễn Văn Cự - Hà Nội

tôn tạo di tích, mà hàng loạt di tích có giá trị đặc biệt cấp quốc gia, di tích trong danh mục di sản văn hóa thế giới của Việt Nam đã nhận được sự đầu tư đáng kể, đã thoát khỏi tình trạng xuống cấp và được khai thác, phục vụ sự nghiệp giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và truyền thống cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Điều đó chứng tỏ hiệu quả của chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa – thông tin là rất rõ ràng. Hy vọng trong những năm sắp tới, với chức năng, quyền lực của mình, Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sẽ hết lòng ủng hộ để vốn ngân sách cho ngành văn hóa – thông tin nói chung và chương trình mục tiêu quốc gia về tu bổ và tôn tạo di tích nói riêng được tăng lên đáng kể.